**Phiếu Học Tập - Môn Toán – Lớp 12**

**Cho 5 tiết tuần lễ từ 25/10 đến 30/10**

**ĐỀ ÔN TẬP**

1. Hàm số  nghịch biến trên các khoảng nào sau đây?

**A.** và . **B.** và. **C.** và. **D.** và

1. Hàm số  đồng biến trên khoảng nào dưới đây?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.**  và 

1. Các khoảng nghịch biến của hàm số  là

**A.** . **B.** . **C.**  và . **D.** 

1. Cho hàm số  có , . Khẳng định nào sau đây đúng?

**A.** Hàm số đồng biến trên .

**B.** Hàm số nghịch biến trên .

**C.** Hàm số đồng biến trên  và nghịch biến trên .

**D.** Hàm số nghịch biến trên  và đồng biến trên .

1. Cho hàm số  xác định và liên tục trên  , có bảng xét dấu của đạo hàm  như sau



Hàm số  nghịch biến trên khoảng nào dưới đây?

**A.**  . **B.**  . **C.**  . **D.**  .

1. Tập hợp tất cả các giá trị thực của tham số để hàm số đồng biến trên khoảng là

**A.  B. **. **C. **. **D. **.

1. Cho hàm số  liên tục trên  và có bảng xét dấu đạo hàm như hình bên.



Mệnh đề nào sau đây **sai** về hàm số đó?

**A.** Hàm số đạt cực tiểu tại . **B.** Hàm số đạt cực đại tại .

**C.** Hàm số đạt cực đại tại . **D.** Hàm số đạt cực tiểu tại 

1. Cho hàm số  có đạo hàm trên  và . Số điểm cực trị của hàm số đã cho là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

1. Số điểm cực trị của hàm số  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Điểm cực tiểu của đồ thị hàm số  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Tọa độ điểm cực đại của đồ thị hàm số  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Hàm số có đạo hàm là. Số điểm cực trị của hàm số là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

1. Hàm số nào sau đây chỉ có đúng một cực trị.

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Giá trị lớn nhất hàm sô trên là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hàm số . Giả sử giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số trên đoạn lần lượt là  thì  bằng:

**A.** . **B.** . **C. **. **D.** .

1. Cho hàm số  liên tục trên đoạn  và có đồ thị như hình vẽ. Giá trị lớn nhất của hàm số đã cho trên đoạn  bằng



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hàm số  có đồ thị như hình vẽ. Gọi  và  lần lượt là giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của hàm số  trên đoạn . Khẳng định nào sau đây là **đúng**?



**A.** . **B.** . **C.**. **D.** .

1. Đồ thị hàm số nào dưới đây có dạng như đường cong trong hình bên



**A. **. **B.** . **C.** . **D.** .

1. Đồ thị của hàm số nào dưới đây có dạng như đường cong trong hình bên?



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Hàm số nào sau đây có bảng biến thiên như hình vẽ



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Đường cong trong hình bên là đồ thị của hàm số nào dưới đây?



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Hàm số nào sau đây có đồ thị như hình vẽ?



**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

1. Cho hàm số  xác định, liên tục trên  và có bảng biến thiên như sau. Mệnh đề nào sau đây **sai**?



**A.** Đồ thị hàm số không có tiệm cận ngang.

**B.** Hàm số không có đạo hàm tại .

**C.** Đồ thị hàm số không có tiệm cận đứng.

**D.** Hàm số đã cho đạt cực tiểu tại .

1. Hàm số nào trong bốn hàm số sau có bảng biến thiên như hình vẽ sau?



**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho hàm số  có đồ thị như hình vẽ. Mệnh đề nào sau đây đúng?



**A. **. **B. **. **C. **. **D. .**

1. Cho hàm số  xác định, liên tục trên  và có bảng biến thiên như sau:



Mệnh đề nào dưới đây là mệnh đề **đúng**?

**A.** Hàm số có giá trị lớn nhất bằng  **B.** Hàm số có giá trị nhỏ nhất bằng 

**C.** Hàm số có hai điểm cực trị. **D.** Đồ thị hàm số không cắt trục hoành.

1. Cho hàm số  có bảng biến thiên như sau:



Tổng số tiệm cận ngang và tiệm cận đứng của đồ thị hàm số đã cho là:

**A.** . **B.** . **C.** 2. **D.** 3.

1. Cho hàm số  xác định và có đạo hàm trên . Hàm số có bảng biến thiên như hình vẽ dưới đây.

****

Đồ thị hàm số  có bao nhiêu đường tiệm cận?

**A.** 4 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

1. Cho hàm số y = f(x) có đồ thị như hình vẽ dưới.



Phương trình các đường tiệm cận của đồ thị hàm số  là

**A.**  và   **B.**  và 

**C.**  và  **D.**  và 

1. Đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh . Biết  và . Thể tích của khối chóp  là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho khối chóp  có  vuông góc với đáy, ,, và . Tính thể tích khối chóp .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho khối chóp  có  vuông góc với , đáy  là tam giác vuông cân tại ,, góc giữa  và  là . Tính thể tích khối chóp .

**A.** **.** **B.** **.** **C.** **.** **D.** .

1. Cho khối chóp  có đáy  là hình chữ nhật,, ,  vuông góc với mặt phẳng đáy và mặt phẳng  tạo với đáy một góc . Tính thể tích  của khối chóp ..

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hình chóp  có đáy  là tam giác đều cạnh , tam giác  là tam giác đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với mặt đáy. Tính thể tích khối chóp .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hình chóp  có đáy là hình thang vuông tại  và , , . Hình chiếu của  lên mặt phẳng trùng với trung điểm cạnh . Biết rằng. Tính theo  thể tích  của khối chóp .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho khối chóp tứ giác đều có cạnh đáy bằng , cạnh bên bằng . Tính thể tích *V* của khối chóp đã cho.

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

1. Cho tứ diện . Gọi ; ;  lần lượt là trung điểm của các cạnh ; ; . Tỉ số thể tích  bằng

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho hình chóp  có đáy  là tam giác vuông tại  và cạnh bên  vuông góc với mặt phẳng đáy. Cho biết , , . Tính khoảng cách từ  đến mặt phẳng 

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

1. Cho khối lăng trụ đứng  có , đáy  là tam giác vuông cân tại  và . Tính thể tích  của khối lăng trụ đã cho.

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .